

PHỤ LỤC I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP (LẦN 1)

Đơn vị: triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn đã bố trí, giải ngân đến hết kế hoạch năm 2024	Đã phân bổ theo Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND đặc khu Cát Hải					Nội dung điều chỉnh, bổ sung			Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh, bổ sung kỳ này						Phân theo giai đoạn thực hiện dự án		
								Số văn bản	Ngày tháng ban hành	Tổng mức đầu tư/ quyết toán			Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ NSTP			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Bổ sung nguồn vốn	Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ NSTP			Thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng của TP	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2024	Vốn chuẩn bị đầu tư	Vốn thực hiện dự án		
														Theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 22/12/2020; sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 21/02/2025	Thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng của TP	Theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 22/12/2020; sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 21/02/2025					Thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng của TP	Theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 22/12/2020; sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 21/02/2025	Thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng của TP						
																												Tổng số	Nguồn XDCB tập trung
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=15+18	15=16+17	16	17	18	19	20	21	22=23+26+27	23=24+25	24	25	26	27	28	29	
	TỔNG SỐ: A+B									1.197.595	698.436	367.938	279.918	183.864	42.000	141.864	96.054	-16.814.903	16.814.903	43.426	323.344	183.864	42.000	141.864	96.054	43.426	6.407	316.937	
A	Chuẩn bị đầu tư																												
B	Thực hiện dự án									1.197.595	698.436	367.938	277.918	181,864	42,000	139,864	96,054	-14,814.903	16,814.903	43,326	323,244	183,864	42,000	141,864	96,054	43,326	6,307	316,937	
I	Phân bổ vốn cho các dự án, nhiệm vụ do UBND thành phố giao									572,965	262,969	80,080	161,124	65,070	37,480	27,590	96,054	-6,297.474	6,814.903	20,171	181,812.429	65,587.429	36,182.526	29,405	96,054	20,171	1,069	180,743	
I.1	Dự án thành phố quyết định đầu tư									153,337	30,664	21,200	15,664	15,664		0	0	-6,291.940	0	0	9,372.060	9,372.060	9,372.060	0	0	0	800	8,572	
*	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 chuyển sang																												
1	Dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước ngọt, hệ thống thủy lợi, cấp nước sinh hoạt tại xã Phú Long, huyện Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	7278184	283	2011-2025	2263 1342 1410 4071	27/12/2010 30/9/2016 23/9/2019 31/12/2024	122.606	25,000	21,200	10,000	10,000				-6,291.940			3,708.060	3,708.060	3,708.060				0	3,708.060	
*	Dự án thực hiện mới năm 2025																												
2	Đầu tư xây dựng mới Trường THPT Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	Phòng nghiệp vụ 1 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8129370	074	2024-2027	89	06/12/2024	30,731	5,664		5,664	5,664	5,664						5,664	5,664	5,664				800	4,864	
I.2	Dự án huyện quyết định đầu tư theo nhiệm vụ thành phố giao									419,628	232,305	58,880	145,460	49,406	21,816	27,590	96,054	-5,534	6,814.903	20,171	172,440.369	56,215.369	26,810.466	29,405	96,054	20,171	269	172,171	
	Dự án chuyển tiếp																												
1	Xây dựng công trình phòng thủ huyện Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	7004686	011	2021-2025	12 75	15/3/2022 20/9/2024	57,710	51,304	31,752	14,000	14,000	11,218	2,782			5,000		19,000	19,000	16,218	2,782			0	19,000	
2	Xây dựng nhà làm việc công an xã Gia Luận	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	7940478	041	2023-2025	594	19/3/2025	4,509	4,509	4,200	309	309	309			-0.197			308.803	308.803	308.803				68.555	240.248	
3	Xây dựng nhà làm việc công an xã Hiền Hào	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8003903	041	2023-2025	1175	09/6/2025	5,870	5,870	5,550	342	342	342			-5.315			336.685	336.685	336.685				0.000	336.685	
4	Xây dựng Công viên cây xanh Khu du lịch vịnh trung tâm Cát Bà	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	7953690	312	2022-2026	3482	18/9/2024	223,627	56,500	600	33,495	33,495	8,687	24,808		1,814.903	20,171	55,480.903	35,309.903	8,687	26,622.903			20,171	0.000	55,480.903	
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường xuyên đảo Cát Bà đoạn từ ngã 3 Áng Sỏi đến hàng Quán Y, xã Trân Châu	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8094506	292	2024-2025	48	10/01/2025	14,418	14,418	14,228	190	190	190			-0.022			189.978	189.978	189.978				127.652	62.326	
6	Đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng bến phà Đông Bãi, bến phà Cái Viêng và các công trình phụ trợ	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8094508	292	2024-2025	3601	15/10/2024	98,504	98,504	2,450	96,054			96,054				96,054			96,054			96,054	3,262	96,050.738	
	Dự án khởi công mới 2025																												
7	Đầu tư khắc phục các công trình vi phạm các nội dung không đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy của huyện Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8107235	338	2024-2026	56	20/12/2024	14,990	1,200	100	1,070	1,070	1,070						1,070	1,070	1,070				70	1,000	
II	Phân bổ vốn cho các dự án huyện quyết định đầu tư									624,630	435,467	287,858	116,794	116,794	4,520	112,274	0	-8,517	10,000.000	23,155	141,431.571	118,276.571	5,817.474	112,459.097	0	23,155	5,238	136,194	
II.1	Các dự án giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang									124,006	86,986	76,515	12,841.2	12,841.2	0.0	12,841.2	0	-3,000	0	0	9,841.2	9,841.2	0.0	9,841.2	0	0	0	0	9,841
1	Xây dựng khu tái định cư tại TDP Hùng Sơn, thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	7666471	309	2018-2025	1604 10 2666	30/10/2017 15/3/2022 12/8/2024	113,360	80,000	69,884	12,585	12,585		12,585		-3,000			9,585	9,585		9,585		0		9,585	

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Lũy kế vốn đã bố trí, giải ngân đến hết kế hoạch năm 2024	Đã phân bổ theo Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND đặc khu Cát Hải				Nội dung điều chỉnh, bổ sung			Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh, bổ sung kỳ này						Phân theo giai đoạn thực hiện dự án		
								Số văn bản	Ngày tháng ban hành	Tổng mức đầu tư/ quyết toán			Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ NSTP			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Bổ sung nguồn vốn	Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ NSTP			Nguồn tăng thu ngân sách năm 2024	Vốn chuẩn bị đầu tư	Vốn thực hiện dự án		
														Theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 22/12/2020; sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 21/02/2025	Thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng của TP						Theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 22/12/2020; sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 21/02/2025	Thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng của TP						
															Tổng số	Nguồn XDCB tập trung							Nguồn thu tiền sử dụng đất (nguồn điều tiết NSTP)				Nguồn thu tiền sử dụng đất (nguồn điều tiết NSTP)	
2	Xây dựng nhà làm việc Ban Quản lý các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	7801908	309	2019-2024	3589	03/12/2024	10,646	6,986	6,631	256,2	256,2		256,2					256,2	256,2			0	256,2		
II.2	Dự án thực hiện năm 2021-2024 chuyển tiếp sang									260,110	239,769	210,043	31,215,7	31,215,7	0,0	31,215,7	0,0	-5,517	0	0	25,698.271	25,698.271	0,000	25,698.271	0,0	0,0	1,064,8	24,633,4
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tái định cư quỹ đất 10% thuộc Dự án khu đô thị du lịch Cát Giá - Cát Bà, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	7927974	285	2022-2025	1640 4072	20/9/2023 31/12/2024	33,408	29,000	26,400	2,624	2,624		2,624		-2,534			90	90		90				90
2	Nâng cấp, cải tạo khuôn viên và hạ tầng kỹ thuật xung quanh Hồ Tùng Đình, thị trấn Cát Bà (giai đoạn 2)	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	7975369	312	2022-2024	85	17/01/2025	14,059	14,059	13,750	307,5	307,5		307,5		-0,010			307,490	307,490		307,490			137,548	169,942
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải khu dân cư quanh Hồ Tùng Đình, thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	7975370	262	2023-2025	2210	08/11/2023	48,850	33,500	23,400	12,200	12,200		12,200		-2,500			9,700	9,700		9,700			0	9,700
4	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải (giai đoạn 3) và xây dựng Nghĩa trang Liệt sỹ khu vực đảo Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	7988484	338	2023-2025	1285	25/6/2025	65,557	65,557	64,382	1,205,9	1,205,9		1,205,9					1,205,9	1,205,9		1,205,9			0	1,205,9
5	Cải tạo, nâng cấp mặt đường và hệ thống hệ chống sạt lở đường Núi Xé	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8071919	312	2023-2025	1977 1246	30/7/2024 05/9/2025	14,386	14,386	9,924	4,500	4,500		4,500		-38,219			4,461.781	4,461.781		4,461.781			99,139	4,362,642
6	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường trung tâm du lịch Cát Bà (đoạn từ số nhà 161 đến số nhà 225, Phố Cát Bà - từ ngã 3 Càng Cá đến khách sạn Viễn Đông)	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8071918	312	2023-2025	69	16/01/2025	7,857	7,857	7,792	52,2	52,2		52,2		-0,020			52,180	52,180		52,180			50,533	1,647
7	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường trung tâm du lịch Cát Bà (đoạn từ số nhà 226, Phố Cát Bà- khách sạn Cát Bà Dream đến chân dốc Cát Cò 1)	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8071917	312	2023-2025	764	04/4/2025 13/11/2024	8,242	8,242	5,600	2,710,1	2,710,1		2,710,1		-0,014			2,710,086	2,710,086		2,710,086			55,311	2,654,775
8	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường vòng quanh Núi Ngọc (đoạn từ số nhà 01, Phố Núi Ngọc - khách sạn Cát Bà Waterside đến chân dốc Núi Xé và đường ngang Núi Ngọc)	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8071916	312	2023-2025	60	15/01/2025	13,408	13,408	11,850	1,558,1	1,558,1		1,558,1		-0,040			1,558,060	1,558,060		1,558,060			55,869	1,502,191
9	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè tuyến đường vòng quanh Núi Ngọc (đoạn từ số nhà 224, Phố Núi Ngọc- khách sạn Viễn Đông đến chân dốc Núi Xé)	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8071915	312	2023-2025	852	17/4/2025	12,665	12,665	11,600	1,049,5	1,049,5		1,049,5		-0,065			1,049,435	1,049,435		1,049,435			52,174	997,261
10	Đầu tư xây dựng bể bơi và các công trình phục vụ học tập thể thao Trường TH&THCS Phù Long	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8071914	073	2023-2025	1071	26/5/2025	10,522	10,522	9,625	897,2	897,2		897,2		-0,022			897,178	897,178		897,178			124	773,178
11	Đầu tư xây dựng bể bơi học sinh trường TH&THCS Hà Sen	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8071913	073	2023-2025	4025	27/12/2024	4,203	4,203	3,970	233	233		233		-0,012			232,988	232,988		232,988			51,282	181,706
12	Đầu tư trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Văn hóa Thông tin Thể thao huyện	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8072166	161	2023-2025	904	16/4/2024	6,965	6,950	6,605	345	345		345		-345			0	0		0			0	0
13	Cải tạo nâng cấp Trụ sở Đảng ủy, HĐND và UBND xã Việt Hải	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8071912	341	2023-2025	3865	04/12/2024	4,220	4,220	4,158	49,2	49,2		49,2		-0,027			49,173	49,173		49,173			48,339	0,834
14	Cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng các trạm xử lý nước thải thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8107616	262	2024-2025	3668	30/10/2024	8,851	8,500	6,132	2,139	2,139		2,139		-100			2,039	2,039		2,039			257,645	1,781,355

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư/ Chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Lũy kế vốn đã bố trí, giải ngân đến hết kế hoạch năm 2024	Đã phân bổ theo Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND đặc khu Cát Hải				Nội dung điều chỉnh, bổ sung			Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh, bổ sung kỳ này								Phân theo giai đoạn thực hiện dự án		
								Số văn bản	Ngày tháng ban hành	Tổng mức đầu tư/ quyết toán			Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ NSTP				Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Bổ sung nguồn vốn	Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ NSTP				Nguồn tăng thu ngân sách năm 2024	Vốn chuẩn bị đầu tư	Vốn thực hiện dự án		
														Theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 22/12/2020; sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 21/02/2025	Thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng của TP	Theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 22/12/2020; sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 21/02/2025	Thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng của TP													
																						Tổng số	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất (nguồn điều tiết NSTP)	Nguồn thu tiền sử dụng đất (nguồn điều tiết NSTP)					
15	Hạ ngầm đường điện trung thế 35KV từ cột 224 đến cột 227 lộ 375E2.43 tại tổ dân phố Hùng Sơn, thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8094507	312	2024-2025	3585	08/10/2024	6,917	6,700	4,855	1,345	1,345		1,345					1,345	1,345		1,345				133	1,212	
II.3 Dự án thực hiện mới năm 2025																														
* Dự án đang triển khai																														
1	Xây dựng bê bê tông tại lô 2 Núi Ngọc, thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8118265	312	2025-2026	248	14/02/2025	8,047	5,500	120	5,150	5,150		5,150					5,150	5,150		5,150				319	4,831	
2	Cải tạo, sửa chữa nhà công vụ đa năng huyện Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8118264	341	2025-2026	1073	14/8/2025	140	140	120	20	20		20					20	20		20				20		
3	Đầu tư các hạng mục bổ trợ cho hoạt động của Phố đêm Cát Bà	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8118263	338	2025-2026	1188	11/6/2025	4,425	1,500	130	1,185	1,185		1,185					1,185	1,185		1,185				124	1,061	
4	Nạo vét hồ Tùng Dinh thị trấn Cát Bà	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8118262	278	2025-2026	724	31/3/2025	14,162	12,322	130	8,664	8,664		8,664		3,000			11,664	11,664	1,297.474	10,366.526				316	11,348	
5	Xây dựng Trường Tiểu học và THCS Nghĩa Lộ (cơ sở 2)	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8107233	073	2025-2026	575	13/3/2025	91,324	33,000	400	32,270	32,270	4,520	27,750					32,270	32,270	4,520	27,750				876	31,394	
6	Xây dựng Trường Mầm non Sao Mai (cơ sở 2)	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8107234	071	2025-2026	576	13/3/2025	57,260	33,100	400	25,448.1	25,448.1		25,448.1		5,000	2,155		32,603.100	30,448.1		30,448.1		2,155	618	31,985.100		
* Dự án bổ sung kỳ này																														
7	Nâng cấp, cải tạo mặt đường, hệ thống công thoát nước mặt từ đường Hà Sen đến đường Tùng Dinh và đường 1/4 trung tâm du lịch đặc khu Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8162076	312	2025-2026	1788	10/10/2025	14,929	5,400							400	5,000		5,400	400		400			5,000	400	5,000	
8	Nâng cấp hệ thống thoát nước và đường khu tái định cư thôn Hải Sơn, đặc khu Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8162077	312	2025-2026	1785	10/10/2025	16,879	5,600							550	4,900		5,450	550		550			4,900	450	5,000	
9	Sửa chữa, cải tạo khuôn viên, các công trình phụ trợ, nhà làm việc trụ sở HĐND-UBND đặc khu Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8162075	341	2025-2026	1786	10/10/2025	7,622	2,400							300	2,100		2,400	300		300		2,100	300	2,100		
10	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp các tuyến đường, rãnh thoát nước các đường ngõ, xóm tại các thôn thuộc địa bàn đảo Cát Hải	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8162074	312	2025-2026	1787	10/10/2025	4,894	1,100							100	1,000		1,100	100		100		1,000	100	1,000		
11	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp các tuyến đường, rãnh thoát nước các đường ngõ, xóm tại các thôn thuộc địa bàn đảo Cát Bà	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8162073	312	2025-2026	1783	10/10/2025	10,129	3,900							400	3,500		3,900	400		400		3,500	400	3,500		
12	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông khu TĐC Nghĩa Lộ (dự án 8,2ha)	Đặc khu Cát Hải	Phòng giao dịch số 2 KBNN KV III	Ban QLDA đặc khu	8162072	312	2025-2026	1784	10/10/2025	10,703	4,750							250	4,500		4,750	250		250		4,500	250	4,500		

PHỤ LỤC II
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP THEO LĨNH VỰC ĐẦU TƯ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Lĩnh vực đầu tư	Đã phân bổ theo Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND đặc khu Cát Hải						Kế hoạch đầu tư công điều chỉnh, bổ sung kỳ này						
		Số dự án	Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ NSTP				Số dự án	Tổng số	Bổ sung có mục tiêu từ NSTP				Nguồn tăng thu ngân sách năm 2024
				Theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 22/12/2020; sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 21/02/2025			Thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng của TP			Theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 22/12/2020; sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 21/02/2025			Thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng của TP	
				Tổng số	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất (nguồn điều tiết NSTP)	Nguồn thu tiền sử dụng đất (nguồn điều tiết NSTP)			Tổng số	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất (nguồn điều tiết NSTP)	Nguồn thu tiền sử dụng đất (nguồn điều tiết NSTP)	
	1	2	3=4+7	4=5+6	5	6	7	8	9=10+13+14	10=11+12	11	12	13	14
	Tổng cộng	33	279,918	183,864	42,000	141,864	96,054	38	323,344	183,864	42,000	141,864	96,054	43,426
1	Chi quốc phòng	1	14,000	14,000	11,218	2,782	0	1	19000	19000	16218	2782	0	0
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2	651	651	651	0	0	2	645.488	645.488	645.488	0	0	0
3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5	64,512.3	64,512	10,184	54,328	0	5	71,667	69,512	10,184	59,328	0	2,155
4	Chi Khoa học và công nghệ													
5	Chi Y tế, dân số và gia đình													
6	Chi Văn hóa thông tin	1	345	345	0	345	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn													
8	Chi Thể dục thể thao													
9	Chi Bảo vệ môi trường	2	14,339	14,339	0	14,339	0	2	11,739	11,739	0	11,739	0	0
10	Chi các hoạt động kinh tế	18	182,931.5	86,877.5	18,877	68,000.5	96,054	23	216,653	81,528	13,883	67,646	96,054	39,071
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	2	69.2	69.2	0.0	69.2	0.0	3	2,469.173	369.173	0.000	369.173	0.000	2,100
12	Chi Bảo đảm xã hội													
13	Chi ngành, lĩnh vực khác	2	3,070	3,070	1,070	2,000	0	2	1,170	1,070	1,070	0	0	100